

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẠI HÀ NỘI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 267/2021/HCPT

Ngày: 02/12/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lục;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông Hoàng Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 20/2021/TLPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2021, về: “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai”. Do có kháng cáo, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2020/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9787/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

1. Người khởi kiện: Ông Lương Hữu Ch, sinh năm 1971, địa chỉ: thôn HD, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; Người được ủy quyền: Ông Đặng Minh C, sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT: thôn Y, xã TY, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (có mặt anh C)

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 204 thị trấn V, Huyện V, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức C, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Thôn Đông, xã T, Huyện V, Thành phố Hải Phòng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh T, chức vụ: Chủ tịch; Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Huy C, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

3.2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn HĐ, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng. Người được ủy quyền: Anh Đặng Minh C, sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT: thôn Y, xã TY, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (có mặt anh C)

4. Người kháng cáo: Ông Lương Hữu Ch; Bà Phạm Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện là ông Lương Hữu Ch trình bày và yêu cầu: Năm 2001, nhận chuyển nhượng thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2, tại thôn HĐ, xã T, huyện V, Hải Phòng của ông Đỗ Văn T có diện tích là 132m², nhưng đến năm 2010 mới làm thủ tục sang tên, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đứng tên Lương Hữu Ch và vợ là Phạm Thị D. Từ khi nhận chuyển nhượng, gia đình vẫn sử dụng ổn định, công khai liên tục không có tranh chấp. Đến năm 2019, UBND huyện V tiến hành thu hồi đất, phục vụ cho dự án đầu tư cải tạo nâng cấp tuyến đường ngã ba Đoàn Lập - Cầu Đãng- Quốc lộ 37, với diện tích là 32,4m², không ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ không đền bù về đất là trái pháp luật. Đề nghị Tòa án: Hủy bỏ một phần Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND huyện V, phê duyệt phương án bồi thường phần liên quan đến diện tích đất 32,4m², thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2, tại thôn HĐ, xã T, huyện V, Hải Phòng; sửa đổi phê duyệt phương án bồi thường, phương án chi tiết kèm theo đúng pháp luật, công nhận phần diện tích 32,4m² bị thu hồi thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp và thuộc trường hợp được bồi thường về đất ở. Hủy bỏ toàn bộ quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện V, về việc cưỡng chế phá dỡ công trình thực hiện quyết định thu hồi đất. Buộc UBND huyện V chấm dứt hành vi vi phạm trong việc thu hồi đất, ban hành quyết định thu hồi đất và tiến hành thu hồi đất theo đúng trình tự, thủ tục luật định.

2. Người bị kiện là UBND huyện V và Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng trình bày và có quan điểm: Hộ gia đình ông Lương Hữu Ch đang sử dụng thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, bản đồ giải thửa xã T, có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã T giao đất cho ông Đỗ Văn T năm 1996 (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 01, diện tích 132,0m², vị trí thửa đất cách tim đường Phao Đãng 10,0m); đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ ngày 03/11/1997. Năm 2010, ông T làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông Lương Hữu Ch. Tại mảnh trích đo địa chính thửa đất ngày 26/3/2010 (trong hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Lương Hữu Ch), có chữ ký của vợ ông Ch là bà Phạm Thị D ghi: Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, diện tích 132,0m², vị trí thửa đất cách tim đường Phao Đãng là 12,5m (21m-8,5m). Tuy nhiên, GCNQSDĐ số BB608359, cấp ngày 10/5/2010 cho hộ gia đình ông Lương Hữu Ch lại ghi: Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, diện tích 132 m², vị trí thửa đất cách tim đường cầu Phao Đãng là 6,0m

(14,5m - 8,5m); không đúng với hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ (in sai số liệu khoảng cách từ tim đường đến chỉ giới hành lang giao thông). Do đó, ngày 14/5/2019, UBND huyện đã căn cứ Điều b, Khoản 4, Điều 87, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ để ban hành Quyết định số 1388/QĐ-UBND, v/v thu hồi GCNQSDĐ số BB608359, với lý do có sự nhầm lẫn khi in GCNQSDĐ, sau đó cấp đổi GCNQSDĐ số CQ 588578 cho gia đình ông Ch, theo đúng hồ sơ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Thửa đất của gia đình ông Ch đang sử dụng có vị trí cách mép đường 7,0m. Căn cứ hồ sơ thiết kế kỹ thuật - thi công công trình xây dựng đường vào Khu du lịch lễ hội lịch sử danh nhân văn hóa Trưng Trích Nguyễn Bình Khiêm và múa rối nước truyền thống xã Nhân Hòa - huyện V năm 2005: Mặt cắt ngang đường đi Cầu Đàng trước năm 2005 là 6,5m; trong đó mặt đường đá dăm cũ rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 1,5m (như vậy, từ mép đá phía kênh nước đến hết lề đường phía đối diện là 5,0m). Năm 2005, mở rộng mặt đường nhựa rộng 5,0m, mép đường đá dăm phía kênh vẫn giữ nguyên, không mở rộng thêm (như vậy mép đường nhựa về phía nhà ông Ch sau mở rộng năm 2005 trùng với mép lề đường có trước khi mở rộng đường năm 2005). Như vậy, chỉ giới giao đất của hộ gia đình ông Lương Hữu Ch được tính từ mép mặt đường nhựa phía kênh hiện nay là: $(7+5) \text{ m} = 12,0\text{m}$. Đối chiếu với chỉ giới giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án, vẫn chưa vào diện tích đất xã giao cho hộ gia đình ông Đỗ Văn T năm 1996 (hiện nay hộ gia đình ông Lương Hữu Ch là người nhận chuyển nhượng đang sử dụng). Mặt khác, diện tích thửa đất của hộ gia đình ông Lương Hữu Ch đang sử dụng hiện nay, tính từ chỉ giới giao đất của xã đến cuối thửa đất vẫn đảm bảo đủ diện tích đất xã giao năm 1996, đồng thời đảm bảo đủ diện tích đất trong GCNQSDĐ đã cấp; Căn cứ vào chỉ giới giao đất và chỉ giới thu hồi đất nêu trên, xác định tổng diện tích thu hồi đất từ mép nhựa đường hiện trạng năm 2018 đến chỉ giới GPMB là $32,4\text{m}^2$, (Chỉ giới giao đất cách mép nhựa đường hiện trạng năm 2018 là 7,0m), là đất hành lang và công trình giao thông do Ủy ban nhân dân xã T quản lý, nằm ngoài diện tích đất được cấp GCNQSDĐ và nằm ngoài diện tích đất UBND xã T giao; không được bồi thường, hỗ trợ về đất; Căn cứ các quy định của pháp luật, hồ sơ địa chính, chủ sử dụng đất và mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 25/5/2018, UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 634/TB-UBND ngày 25/7/2018, đối với hộ ông Lương Hữu Ch; tiến hành lập biên bản kiểm kê tại hiện trường khối lượng đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng và phương án bồi thường, hỗ trợ được các ngành chức năng của huyện thẩm định. Sau đó, ban hành Quyết định thu hồi đất số 2457/QĐ-UBND ngày 09/8/2019, thu hồi $32,4\text{m}^2$ đất công trình giao thông, đất hành lang giao thông do UBND xã T quản lý (hộ ông Lương Hữu Ch đang sử dụng), đồng thời ban hành Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 09/8/2019, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông Lương Hữu Ch theo đúng quy định của pháp luật; Sau khi ban hành Quyết định thu hồi đất, các quyết định phê duyệt phương án, quyết định thu hồi đất; UBND huyện đã chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, UBND xã T tổ chức tuyên truyền, vận động và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ

đối với hộ ông Lương Hữu Ch, nhưng gia đình ông Lương Hữu Ch không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng và tiếp tục kiến nghị về nguồn gốc đất đai. Ngày 16/9/2019, UBND huyện ban hành Quyết định số 3039/QĐ-UBND, về việc cưỡng chế phá dỡ công trình thực hiện quyết định thu hồi đất đối với diện tích 32,4m² đất công trình giao thông, đất hành lang giao thông do UBND xã T quản lý (gia đình ông Lương Hữu Ch đang sử dụng) theo đúng thẩm quyền; Diện tích thu hồi đất từ mép nhựa đường hiện trạng năm 2018, đến chỉ giới GPMB năm 2018 là 32,4m² (chỉ giới thu hồi đất cách mép nhựa đường hiện trạng năm 2018 là 7,0m) là diện tích đất công trình giao thông, đất hành lang giao thông do UBND xã T quản lý (hộ ông Lương Hữu Ch đang sử dụng), nằm ngoài diện tích đất được cấp GCNQSDĐ và nằm ngoài diện tích đất UBND xã T giao; không được bồi thường, hỗ trợ về đất. Đối với công trình trên đất, UBND huyện đã tính toán bồi thường hỗ trợ 100% giá trị là bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho hộ gia đình ông Ch. Vì vậy, người bị kiện đề nghị bác yêu cầu của người khởi kiện.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị D có quan điểm thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông Lương Hữu Ch (là chồng).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2020/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Điều 66, 69, 71 và 75 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Hữu Ch về việc: Hủy bỏ một phần Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND huyện V (phần liên quan đến diện tích đất 32,4m² thuộc thửa đất số 127 tờ bản đồ số 2 tại thôn HĐ, xã T, huyện V, Hải Phòng); sửa đổi, phê duyệt phương án bồi thường và phương án chi tiết kèm theo đúng theo quy định của pháp luật, theo hướng công nhận phần diện tích 32,4m² bị thu hồi thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình người khởi kiện và thuộc trường hợp được bồi thường về đất ở. Hủy bỏ toàn bộ quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện V về việc cưỡng chế phá dỡ công trình thực hiện quyết định thu hồi đất. Buộc UBND huyện V chấm dứt hành vi vi phạm trong việc thu hồi đất, ban hành quyết định thu hồi đất và tiến hành thu hồi đất theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/10/2020, ông Lương Hữu Ch và Phạm Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, công nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ch.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của ông Lương Hữu Ch và bà Phạm Thị D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Có quan điểm không khiếu nại hay thắc mắc về số liệu ghi về diện tích đất bị thu hồi, tài sản và vật kiến trúc trên đất cùng đơn giá bồi thường hỗ trợ. Chỉ yêu cầu xem xét lại nguồn gốc đất bị thu hồi đã được sử dụng

có vị trí nằm sát lề đường từ năm 1988 (trước khi có qui hoạch đường vào khu du lịch lễ hội lịch sử danh nhân văn hóa Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm và múa rối nước truyền thống xã Nhân Hòa năm 2005); năm 2001 chuyển nhượng lại cho gia đình ông Ch sử dụng ổn định, không có tranh chấp, nên phải được bồi thường về đất ở. UBND huyện V không giải thích được mâu thuẫn về số liệu ghi tại các trích đo diện tích, trong hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ ngày 26/3/2010, nhưng lại căn cứ vào tài liệu này để xác định nguồn gốc đất là không chính xác. Mặt khác, trong trường hợp gia đình ông Ch lấn chiếm HLGTT, thì căn cứ khoản 11 Điều 3 Luật đất đai 2013, việc UBND huyện V không ban hành quyết định thu hồi đất đối với 32,4m² nói trên là trái pháp luật. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy các quyết định hành chính nói trên.

Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Lương Hữu Ch và Phạm Thị D, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2020/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt theo khoản 4 Điều 255 Luật Tố tụng hành chính. Do ngày 25/9/2020, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án vắng mặt các đương sự, ngày 13/10/2020, ông Lương Hữu Ch và bà Phạm Thị D mới được giao bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo ngày 19/10/2020 của ông Ch và bà D trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Ngày 10/3/2020, ông Lương Hữu Ch khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 09/8/2019, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của UBND huyện V (Quyết định 2453); Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện V, về việc cưỡng chế phá dỡ công trình thực hiện quyết định thu hồi đất (Quyết định 3039); Buộc UBND huyện V chấm dứt hành vi vi phạm trong việc thu hồi, ban hành quyết định thu hồi và tiến hành thu hồi đất đúng pháp luật. Căn cứ các quy định của Luật Đất đai năm 2013. Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xác định đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền, thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

[3]. Thực hiện Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND thành phố Hải Phòng, về việc phê duyệt Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Đoàn Lập - Cầu Đăng - Quốc lộ 37. UBND huyện V đã ban hành Thông báo thu hồi đất; tiến hành đo đạc, khảo sát, kiểm đếm, lập biên bản kiểm kê về đất đai, tài sản hoa màu trên đất; lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ; UBND huyện V ban hành Quyết định 2453, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB; Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 3039, về việc cưỡng chế phá dỡ công trình đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Điều 66, khoản 3 Điều 69 và Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 2860/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng.

[4]. Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, UBND xã T ký hợp đồng cho ông Nguyễn Tiên D thuê đất nông nghiệp (chỉ giới đất tại mặt giáp đường cầu Phao Đăng được tính từ mép bờ mương vào). Sau đó, ông D chuyển nhượng lại 1 lô đất cho ông Đỗ Văn T (năm 1990), ông T sử dụng đến năm 1996 thì nộp tiền sử dụng đất cho UBND xã T, để chuyển mục đích sử dụng thành đất ở. Ngày 03/11/1997, ông T được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 01, diện tích 132m² (chiều ngang 6m; chiều sâu 22m). Sau đó, ông T làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 127, tờ bản đồ số 01, diện tích 132m² cho hộ gia đình ông Ch. GCNQSDĐ mà UBND huyện V cấp cho ông T ngày 03/11/1997, thể hiện vị trí thửa đất cách mép đường 7m. Do vậy, theo qui định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005, căn cứ xác lập quyền sử dụng đất của gia đình ông T là do nhà nước công nhận, quyền sử dụng đất của gia đình ông Ch được xác lập do ông T chuyển nhượng. Căn cứ hồ sơ thiết kế thi công công trình xây dựng đường vào Khu lịch lễ hội lịch sử danh nhân văn hóa Trạng Trình, thì trước năm 2005, đường cầu Phao Đăng rộng 6,5m (hai bên lề mỗi bên 1,5m, lòng đường rộng 3,5m). Năm 2005, chính quyền mở rộng đường, nhưng chỉ mở rộng thêm 1,5m về phía hộ gia đình ông T, phía kênh giữ nguyên. Vì vậy, chỉ giới giao đất của hộ gia đình ông T cách mép đường nhựa là 7m, không bị thay đổi do việc mở rộng đường. Đây là căn cứ xác định diện tích thu hồi đất đối với hộ ông Ch. Theo sơ đồ diện tích đất thu hồi cách từ mép nhựa hiện trạng, đến chỉ giới giao đất của xã là 7m - 1,5m = 5,5m, khoảng cách từ mép nhựa hiện trạng đến chỉ giới thu hồi là 5,4m, chỉ giới thu hồi đất đến chỉ giới giao đất là 5,5m - 5,4m = 0,1m. Như vậy, phần diện tích thu hồi là 6m x 5,4m = 32,4 m² thuộc HLG, nằm ngoài diện tích đất được cấp GCNQSDĐ. UBND huyện V xác định 32,4m² đất bị thu hồi là đất HLG. Đối với GCNQSDĐ, số BB608359, ngày 10/5/2010, UBND huyện V cấp cho hộ gia đình ông Ch, đã in sai số liệu ghi vị trí thửa đất cách tim đường cầu Phao Đăng là 6,0m (14,5m - 8,5m), tuy nhiên, ngày 14/5/2019, UBND huyện V căn cứ điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đã thu hồi GCNQSDĐ nói trên, cấp lại GCNQSDĐ, số CQ 588578, theo đúng hiện trạng thửa

đất số 127, tờ bản đồ số 02, diện tích 132,0m², vị trí thửa đất cách tim đường cầu Phao Đăng là 12,5m (21,5m - 8,5m). Việc ông Ch cho rằng, nhận chuyển nhượng đất từ ông T là tính chỉ giới đến sát mép đường, không ghi diện tích nhận chuyển nhượng là bao nhiêu, ngoài trình bày của ông Ch và bà D, không có tài liệu chứng cứ nào xác định chỉ giới giao đất cho ông D tính từ mép bờ mương vào, ông Ch và bà D cũng chỉ là người nhận chuyển nhượng từ những người sử dụng trước, nên quan điểm của ông Ch và bà D là không có căn cứ, không phù hợp với hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất lưu giữ tại UBND xã T. Đối với trích đo diện tích đề nghị cấp GCNQSDĐ ngày 26/3/2010 có thể hiện về số liệu. Tuy nhiên, trích đo tỉ lệ 1/500 ngày 26/3/2010 đối với thửa đất do hộ gia đình ông Ch đang sử dụng, không chính xác cả về tỉ lệ, chiều ngang thửa đất và chiều dài thửa đất không có cùng tỉ lệ với nhau, chiều dài từ chỉ giới giao đất đến tim đường cầu Phao Đăng 21m - 8,5m = 12,5m là không chính xác, 12,5m là tính từ chỉ giới giao đất đến hết mép nhựa phía đối diện thửa đất, nên tài liệu nêu trên không đủ cơ sở đảm bảo để xác định diện tích đất thu hồi. Do vậy, việc UBND huyện V xác định 32,4m² là đất HLGTT, không ban hành quyết định thu hồi đất, không bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ ông Ch và bà D là phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. Theo cung cấp của UBND xã T, diện tích thửa đất của hộ gia đình ông Lương Hữu Ch đang sử dụng hiện nay là khoảng 180m² (lớn hơn diện tích đất ghi trong GCNQSDĐ được cấp). Ông Ch đang sử dụng 32,4m² đất qui hoạch công trình giao thông, đất hành lang giao thông, nằm ngoài diện tích đất nhận chuyển nhượng năm 2010 (đã được ghi nhận trong GCNQSDĐ cấp cho ông T năm 1996), nên không được bồi thường, hỗ trợ về đất là phù hợp tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Đối với công trình xây dựng trên 32,4m² đất là hành vi lấn chiếm đất đai, nhưng không bị xử lý là có thiếu sót của chính quyền địa phương. Do đó, khi tiến hành thu hồi phần đất này, căn cứ vào nguồn gốc đất đai, biên bản kiểm kê tại hiện trường khối lượng đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng và phương án bồi thường, hỗ trợ được các ngành chức năng của huyện thẩm định, UBND huyện V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông Ch đã bồi thường 100% giá trị tài sản, vật kiến trúc trên đất, với số tiền 114.472.000đồng là đã có lợi cho gia đình ông Ch (nếu lấn chiếm đất thì chỉ được hỗ trợ 30%). Ông Ch cho rằng: Căn cứ khoản 11 Điều 3 Luật Đất đai 2013, trong trường hợp gia đình ông Ch lấn chiếm HLGTT từ trước khi có qui hoạch mở rộng đường năm 2005, thì vẫn được bồi thường về đất, vẫn phải ban hành quyết định thu hồi đất đối với 32,4m² nói trên là không có căn cứ. Do vậy, việc của UBND huyện V ban hành Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 09/8/2019, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB là phù hợp quy định của pháp luật.

[6]. Do gia đình ông Ch không tự nguyện bàn giao đất giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, Chủ tịch UBND huyện V đã căn cứ các quy định pháp luật, trong đó có căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND huyện V

về việc thu hồi đất, đề ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình thực hiện quyết định thu hồi đất. Hồ sơ thể hiện, UBND huyện V đã gửi Thông báo thu hồi đất, phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình ông Ch đúng theo quy định pháp luật, cụ thể: Thông báo thu hồi đất thực hiện dự án nhận ngày 31/7/2018, bà D (vợ ông Ch) ký nhận; ngày 09/11/2018 ông Ch ký Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản, hoa màu trên đất; Dự thảo Phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ nhận ngày 10/7/2019 (có biên bản giao nhận do bà D vợ ông Ch ký nhận); UBND huyện V cũng tiến hành niêm yết công khai quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án tại UBND xã T đúng quy định (12/8/2019); thông báo công khai trên loa truyền thanh của xã. UBND huyện V đã nhiều lần gửi giấy mời hộ gia đình ông Ch đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (ngày 30/7/2019 và ngày 09/9/2019), nhiều lần vận động thuyết phục hộ gia đình ông Ch nhận tiền hỗ trợ, bàn giao mặt bằng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai (biên bản ngày 07/8/2019; 10/9/2019; 12/9/2019). Sau khi thực hiện hết các trình tự thủ tục, nhưng hộ gia đình ông Ch không bàn giao đất. Ngày 16/9/2019, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 3039/QĐ-UBND, về việc cưỡng chế phá dỡ công trình thực hiện quyết định thu hồi là đúng thẩm quyền, bảo đảm tính có căn cứ và trình tự, thủ tục đúng quy định pháp luật.

[7]. Đối với yêu cầu buộc UBND huyện V chấm dứt hành vi vi phạm trong việc thu hồi, ban hành quyết định thu hồi và tiến hành thu hồi đất đúng pháp luật. Như trên đã phân tích, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và quyết định cưỡng chế ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo tính có căn cứ; phần diện tích thu hồi là 32,4m² đất HLG, tài sản vật kiến trúc hoa màu trên đất đã được bồi thường hỗ trợ đúng quy định.

[8]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử đồng tình với nhận định của cấp sơ thẩm xác định: Các hành vi hành chính đã thực hiện, quyết định hành chính đã ban hành của UBND huyện V, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh: về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ; cưỡng chế phá dỡ công trình thực hiện quyết định thu hồi đối với 32,4m² đất tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 xã T, huyện V mà hộ ông Ch và bà D đang sử dụng là phù hợp với qui định của pháp luật. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác đơn khởi kiện của ông Lương Hữu Ch là có căn cứ. Kháng cáo của ông Lương Hữu Ch và bà Phạm Thị D không có cơ sở, nên cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về án phí: Ông Lương Hữu Ch và bà Phạm Thị D kháng cáo không được chấp nhận, phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Lương Hữu Ch và bà Phạm Thị D.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2020/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.
3. Về án phí: Ông Lương Hữu Ch, bà Phạm Thị D mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà ông Ch, bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0019105 ngày 02/11/2020 và 0019106 ngày 02/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. (ông Ch, bà D đã nộp đủ)
4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS Thành phố Hải Phòng;
- Các Đương sự; (theo Địa chỉ)
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Đình Lực